

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 42/2020/HS-ST  
Ngày 08-9-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Chu Văn Mốt

Ông Hà Văn Hải

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Quan Hữu Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-QĐ ngày 25-8-2020, Quyết định phân công Hội thẩm tiến hành giải quyết, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm số: 141/2020/QĐ-TA ngày 04-9-2020, Quyết định phân công Thư ký tiến hành tố tụng đối với vụ án hình sự số: 140/2020/QĐ-TA ngày 04-9-2020 đối với các bị cáo:

1. Lã Văn Đ, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1986 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Văn C và bà Lý Thị S; có vợ là Lộc Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 02-3-2020, tạm giam từ ngày 08-3-2020 đến nay; có mặt.

2. Lộc Văn D, sinh ngày 14 tháng 3 năm 1994 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn Nà, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lộc Văn T và bà Đặng Thị B; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giữ ngày 02-3-2020, tạm giam từ ngày 08-3-2020 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lã Văn Đ:* Ông Bế Quang H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Lộc Thị T, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11-2019, Lã Văn Đ xuất cảnh sang P, Trung Quốc để làm thuê thì quen biết S, hai người cho nhau tài khoản Wechat để liên lạc khi có việc cần. Tháng 12-2019, S đặt vấn đề nhờ Lã Văn Đ xuống Hà Nội đón, đưa người từ Hà Nội lên cửa khẩu T, tỉnh Lạng Sơn để xuất cảnh trái phép sang P, Trung Quốc với giá tiền công là 960 Nhân dân tệ/người; nếu đưa 02 người trở lên sẽ được trả thêm 300 Nhân dân tệ/chuyến. Lã Văn Đ đồng ý và bảo khi nào có người thì gọi điện thoại để Lã Văn Đ đi đón.

Khoảng 09 giờ ngày 01-3-2020, Lã Văn Đ đang ở cửa khẩu T thì S gọi điện thoại bảo xuống Hà Nội đón K, R quốc tịch Campuchia đến cửa khẩu T và đưa sang P, Trung Quốc cho S với giá tiền công là 1.260 Nhân dân tệ; đồng thời S gửi số điện thoại nhà xe và ảnh của 2 người phụ nữ Campuchia cho Lã Văn Đ qua Wechat, Lã Văn Đ đồng ý. Do bận việc, nên Lã Văn Đ thuê Lộc Văn D (em trai của vợ) đi xuống Hà Nội đón người với tiền công là 1.000.000 đồng, còn tiền thuê xe taxi do Lã Văn Đ chi trả, Lộc Văn D đồng ý. Lã Văn Đ gửi cho Lộc Văn D số điện thoại nhà xe và ảnh 02 người phụ nữ Campuchia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Lộc Văn D thuê xe taxi đi xuống Hà Nội. Khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, Lộc Văn D đến bến xe Y, Thành phố Hà Nội và liên lạc với chủ xe ô tô là Đào Ngọc T đón được 02 người phụ nữ như trong ảnh Lã Văn Đ đã gửi. Lộc Văn D cùng hai người phụ nữ đi xe taxi từ Hà Nội về Lạng Sơn.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 02-3-2020, Lộc Văn D đến đường trục chính xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và gọi điện thoại cho Lã Văn Đ ra đón. Sau khi giao 02 người phụ nữ cho Lã Văn Đ xong Lộc Văn D về nhà còn Lã Văn Đ sử dụng xe máy đưa 02 người phụ nữ lên xe để đưa sang Trung Quốc thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ.

Ngoài ra, Lã Văn Đ còn khai đầu tháng 12-2019 đến 28-02-2020, Lã Văn Đ còn thuê Hoàng Văn T cùng Lã Văn Đ, Lộc Văn D đưa 02 lần 02 người phụ nữ sang Trung Quốc cho S để hưởng lợi.

Hai công dân người Campuchia khai nhận: Ngày 27-2-2020, K và S được một người đàn ông Campuchia tên là R (không rõ năm sinh, địa chỉ) rủ sang Việt Nam chơi. Họ đã được R nhập cảnh trái phép vào Việt Nam theo đường mòn ở khu vực cửa khẩu M, Tây Ninh. Sau đó, cùng nhau về Thành phố Hồ Chí Minh thăm quan, mua sắm. R nói cho K, S biết Thành phố Hà Nội có

những chỗ để vui chơi nhưng do hết tiền nên R sẽ mua vé cho K, S đi ra Hà Nội trước, khi đến nơi sẽ có người đến đón còn R quay về nhà ở Campuchia để lấy tiền rồi sẽ đến sau. K, S đồng ý. Sáng ngày 28-02-2020, R đưa K, S ra bến xe M, Thành phố Hồ Chí Minh rồi gặp chủ xe tên Đào Ngọc T, mua 02 vé với giá 800.000 đồng. Khoảng 21 giờ ngày 01-3-2020, K và S ra đến Hà Nội và được Lộc Văn D đón, đưa lên Lạng Sơn giao cho Lã Văn Đ và sau đó bị bắt giữ.

Ngày 05-5-2020, Đại sứ quán Vương quốc Campuchia tại Việt Nam đã cử đại diện đến tiếp nhận 02 công dân người Campuchia để đưa về nước.

Bản Cáo trạng số: 75/CT-VKS-P2 ngày 10-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lã Văn Đ, Lộc Văn D về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; các điện thoại đang bị thu giữ là điện thoại các bị cáo liên lạc để thực hiện việc Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; bị cáo Lã Văn Đ đề nghị được trả lại chiếc xe mô tô đang bị thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lộc Thị T cho biết: Chị là vợ của bị cáo Lã Văn Đ, chị không biết gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Chị đề nghị được lấy lại chiếc xe mô tô đang bị tạm giữ vì đây là tài sản chung của hai vợ chồng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lã Văn Đ, Lộc Văn D phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lã Văn Đ từ 24 đến 30 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lộc Văn D từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động, 01 xe mô tô (kèm theo giấy đăng ký xe) do các tài sản này dùng vào việc phạm tội. Trả lại các bị cáo giấy chứng minh nhân dân vì đó là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến hành vi phạm tội. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Ông Bé Quang H là người bào chữa cho bị cáo Lã Văn Đ và bị cáo tự bào chữa đều nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về điều luật áp dụng. Người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 18 đến 24 tháng tù; trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô đang bị thu giữ.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Hồi 00 giờ 30 phút ngày 02-3-2020, tại đường trục chính thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ bị cáo Lã Văn Đ đang điều khiển xe mô tô trên xe chở hai người phụ nữ mang quốc tịch Campuchia là K, S chuẩn bị sang Trung Quốc để nhận số tiền công là 1.260 Nhân dân tệ. Bị cáo Lộc Văn D đã thực hiện hành vi giúp sức cho Lã Văn Đ đưa hai người phụ nữ Campuchia từ Hà Nội lên giao cho Lã Văn Đ. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lã Văn Đ, Lộc Văn D phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi mà vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh đúng theo pháp luật nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, xong về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[5] Bị cáo Lã Văn Đ là người trực tiếp liên hệ, giao dịch, thỏa thuận tiền

công với đối tượng người Trung Quốc để thực hiện việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, bị cáo thuê người khác chính là em vợ của mình thực hiện việc đưa, đón người từ Hà Nội lên cửa khẩu T và trực tiếp đưa người từ cửa khẩu T để sang Trung Quốc thì bị bắt giữ. Bị cáo Lộc Văn D là đồng phạm giúp sức, trực tiếp thực hiện việc đón, đưa người từ Hà Nội lên cửa khẩu T để giao cho Lã Văn Đ tiếp tục đưa sang Trung Quốc để nhận tiền công. Bị cáo Lã Văn Đ là người có vai trò cao hơn bị cáo Lộc Văn D.

[6] Các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

[7] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện trợ giúp pháp lý. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Từ những phân tích đánh giá trên thấy rằng hình phạt của bị cáo Lộc Văn D ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp; bị cáo Lã Văn Đ sẽ phải có mức hình phạt cao hơn.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng và đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Đối với người có tên S người Trung Quốc, do Lã Văn Đ khai địa chỉ không rõ ràng nên không có cơ sở xác minh điều tra.

[12] Về đối tượng người Campuchia có tên là R, do 02 công dân Campuchia là Kvà S, khai về đối tượng R không rõ ràng cụ thể, nên không có căn cứ điều tra.

[13] Qua điều tra, Hoàng Văn T thừa nhận hành vi đưa người xuất cảnh trái phép. Tuy nhiên, lời khai của Hoàng Văn T không phù hợp với lời khai của Lã Văn Đ về thời gian. Trong quá trình điều tra, bản thân các bị cáo không xác định được tên, tuổi địa chỉ của những người đã được đưa dẫn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Vì vậy, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để làm rõ mức độ liên quan của Hoàng Văn T trong vụ án. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[14] Đối với Đào Ngọc T, là chủ xe ô tô khách đã trực tiếp chở hai công dân quốc tịch Campuchia từ bến xe M, thành phố Hồ Chí Minh ra đến bến xe Y, Thành phố Hà Nội qua điều tra thấy: Khoảng đầu tháng 03-2020 (không nhớ ngày cụ thể) đã có một người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) đến bến xe M gặp Đào Ngọc T để mua 02 vé cho 02 người phụ nữ Campuchia đi ra Hà Nội với giá vé là 800.000 đồng/vé. Sau khi 02 người phụ nữ này ra đến bến xe Y, Hà Nội thì được một xe taxi đến đón và đưa đi, hai người phụ nữ này đi đâu thì Đào Ngọc T không biết. Qua nhận dạng người qua bản ảnh đối với Lã Văn Đ, Lộc Văn D thì Đào Ngọc T không nhận ra ai, không quen biết 02 bị cáo. Do vậy, Đào Ngọc T không liên quan đến vụ án này.

[15] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô đứng tên Lã Văn Đ đã sử dụng vào việc phạm tội. Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Lã Văn Đ; việc Lã Văn Đ sử dụng chiếc xe này để phạm tội thì vợ bị cáo không biết nên chỉ tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe này, phần còn lại 1/2 giá trị sẽ được trả lại cho vợ bị cáo. Đối với 02 chiếc điện thoại di động dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 02 giấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân và không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[16] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa, đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lã Văn Đ, Lộc Văn D;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lã Văn Đ, Lộc Văn D phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Lã Văn Đ 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 02-3-2020.

2.2. Xử phạt bị cáo Lộc Văn D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 02-3-2020.

3. Về xử lý vật chứng

3.1. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu đen, số IMEI: 356734082834726, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại hiệu SAMSUNG J7 Pro, vỏ màu đen, đã qua sử dụng có số IMEI 1: 353317098000004/01; số IMEI 2: 353318098000002/01; bên trong có 01 sim Viettel.

- Tịch thu 50% giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE (đã qua sử dụng) sau khi hóa giá, kèm theo 01 (một) đăng ký mô tô xe máy số 002597, mang tên Lã Văn Đ do Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05-01-2012

3.2. Trả lại cho chị Lộc Thị T: 50% giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE (đã qua sử dụng) sau khi hóa giá, kèm theo 01 (một) đăng ký mô tô xe máy số 002597, mang tên Lã Văn Đ do Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05-01-2012.

3.3. Trả lại cho bị cáo Lã Văn Đ: 01 (một) chứng minh nhân dân số 081048896, mang tên Lã Văn Đ, do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 06-02-2017.

3.4. Trả lại cho bị cáo Lộc Văn D: 01 (một) chứng minh nhân dân số 082277437, mang tên Lộc Văn D, do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 26-3-2014.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10 tháng 8 năm 2020).

4. Về án phí: Các bị cáo Lã Văn Đ, Lộc Văn D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án/.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người TGTG khác;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Hoa**